

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HSST

Ngày 27 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Ông Lê Văn Đăng

Thư ký phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Lý Kim Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/HSST ngày 16 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 11/2018/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Hồng T, sinh năm 1976 tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp Thái Hòa, xã Nam Thái A, huyện An Biên, Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn U, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Võ Thị T, sinh năm 1954(hiện còn sống); có chồng: Phan Văn M, sinh năm 1974 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt ngày 01/8/2017 và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 02/8/2017 đến ngày 18/9/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

1. Anh **Trần Văn M**, sinh năm: 1975. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã NA, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị **Đường Kim T**, sinh năm: 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã NA, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Phan Văn M**, sinh năm: 1974. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã NA, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 /11/2014 tức ngày 09/10/2014 âm lịch, Lê Thị Hồng T tham gia dây hụi 2.000.000đ/tháng (Tôn Thanh T chia lại cho T) do anh Trần Văn M ở ấp Đ, xã NA làm chủ. Đến lần mở hụi thứ 4, T hốt hụi được số tiền là 36.780.000đ cho đến tháng 10 năm 2016 âm lịch, Lê Thị Hồng T bỏ trốn khỏi địa phương không đóng hụi chết lại cho anh Trần Văn M, tính đến ngày bị bắt tổng cộng là 7 lần chiếm đoạt của anh Trần Văn M số tiền là 14.000.000đ.

Ngày 01/5/2016 tức ngày 25/3/2016 âm lịch, Lê Thị Hồng T tham gia dây hụi 1.000.000đ/tháng do chị Đường Kim T ở ấp T, xã NA làm chủ. Đến lần mở hụi thứ 3, T hốt hụi được số tiền là 17.640.000đ cho đến tháng đến tháng 10 năm 2016 âm lịch, Lê Thị Hồng T bỏ trốn khỏi địa phương không đóng hụi chết lại cho chị Đường Kim T, tính đến ngày bị bắt tổng cộng là 10 lần chiếm đoạt của chị Đường Kim T số tiền là 10.000.000đ.

Đến ngày 01/8/2017, Lê Thị Hồng T bị cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện An Biên bắt theo quyết định truy nã.

Sau khi bị bắt, Lê Thị Hồng T đã thống nhất thỏa thuận và hoàn trả xong cho anh Trần Văn M số tiền là 14.000.000đ và chị Đường Kim T số tiền là 10.000.000đ.

Trong quá trình điều tra, những người bị hại anh Trần Văn M, chị Đường Kim T, có đơn xin bãi nại cho Lê Thị Hồng T.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS-HS, ngày 13/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên đã truy tố bị cáo Lê Thị Hồng T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Hồng T, đề nghị Hội đồng xét

xử (HĐXX) áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đề nghị xử phạt bị cáo T mức án là 06 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giam trước đó đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại anh Trần Văn M, chị Đường Kim T đã nhận đủ tiền theo thỏa thuận và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, bị cáo tỏ ra biết ăn năn, hối cải, nhìn nhận sai trái và hứa sau này sống tốt và tuân thủ pháp luật.

Người bị hại anh Trần Văn M, chị Đường Kim T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với chị Đường Kim T có ý kiến xin thay đổi yêu cầu trước đây là không đồng ý tiếp tục bãi nại cho bị cáo nữa mà đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; anh Trần Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2014 âm lịch đến tháng 3 năm 2016 âm lịch, Lê Thị Hồng T tham gia chơi hụi do anh Trần Văn M, chị Đường Kim T làm chủ, sau đó T hốt hụi và đóng hụi chết cho các chủ hụi đến tháng 10 năm 2016 âm lịch, do không còn khả năng đóng hụi nên Lê Thị Hồng T bỏ trốn khỏi địa phương, chiếm đoạt của những người bị hại số tiền hụi tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên truy tố đối với bị cáo Lê Thị Hồng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đúng người, đúng tội.

Khoản 1 Điều 140 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

[3] Xét về tính chất và mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Thị Hồng T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người bị hại để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại và xâm hại đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang tư tưởng quần chúng nhân dân, không an tâm về các mối quan hệ giao dịch dân sự trong cuộc sống. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực và nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lý nghiêm cho những ai cố tình vi phạm. Nhưng bị cáo đã xem thường pháp luật, đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà không nghĩ về hậu quả mà xã hội, gia đình và bản thân bị cáo phải gánh chịu. Do đó, cần xử bị cáo ở mức án phù hợp tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời để ngăn ngừa giáo dục chung, lập lại trật tự trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Sau khi bị bắt, trong suốt quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã nhận thức

được sự sai trái của bị cáo, nên đã thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị cáo cùng với gia đình bị cáo đã thỏa thuận và đã hoàn trả tiền xong cho các bị hại. Trong quá trình điều tra người bị hại anh Trần Văn M cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Trên cơ sở tính chất và mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xử cho bị cáo mức án theo đề nghị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo bị bắt từ ngày 01/8/2017 đến ngày 18/9/2017 được bảo lãnh tại ngoại là 01 tháng 17 ngày.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Như vậy, thời gian bị cáo bị tạm giam trước được tính là: (01 tháng 17 ngày) x 3 = 03 tháng 51 ngày, quy đổi thành tháng là 04 tháng 21 ngày.

Về khâu trừ thu nhập, xét thấy bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo với các bị hại đã thỏa thuận và hoàn trả tiền xong, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[8] Về hình phạt bổ sung, hiện tại hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn về kinh tế và không có nghề nghiệp, do đó trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp: Xét thấy việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo là không còn cần thiết, vì vậy cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn này đối với bị cáo Lê Thị Hồng T.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Hồng T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Hồng T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hồng T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam trước, sau khi được quy đổi là 4 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt còn lại của bị cáo là 01(một) tháng 09 (chín) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị Hồng T.

- Về hình phạt bổ sung, hiện tại hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn về kinh tế và không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và những người bị hại đã thống nhất thỏa thuận và hoàn trả tiền với nhau xong, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

- Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng Hình sự hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Lê Thị Hồng T theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 25/QĐVKKS ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Hồng T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/4/2018). Đối với những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên, tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THADS, HS;
- Những người TGT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo